

Bản án số: 2062/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 22-12-2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh,
2. Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1262/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 600/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 286/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **L.T.B.B.**, sinh năm 1985,

Địa chỉ: Ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **L.T.T.**, sinh năm 1984 (Vắng mặt),

Địa chỉ: 427/4 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà L.T.B.B. trình bày:*

Bà và ông L.T.T. tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 26, quận Bình Thạnh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 20/04/2007. Sau khi kết hôn, ông L.T.T. về ở rể nhưng ông L.T.T. thường hay ăn nhậu, chơi bời nên vợ chồng sống ly thân cách đây 05 năm và bà có nộp đơn ly hôn lần thứ nhất tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh nhưng đã rút đơn cho ông L.T.T. cơ hội hòa giải sửa chữa. Tuy nhiên, ông L.T.T. đã không sửa chữa nên bà đã nộp đơn ly hôn lần thứ hai và bà cũng rút đơn do ông L.T.T. không đến và cũng không cho con trai đến Tòa. Nhận thấy hiện nay không còn tình cảm vợ chồng và mâu thuẫn không giải quyết được, nên bà đề nghị ly hôn ông L.T.T..

Về con chung: Bà và ông L.T.T. có một con chung tên Lê Văn Việt, sinh ngày 07/8/2008. Bà đề nghị trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông L.T.T. cấp dưỡng.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

** Bị đơn ông L.T.T.:*

Bị đơn ông L.T.T. đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/10/2020 và ngày 27/10/2020 nhưng ông L.T.T. không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông L.T.T..

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà L.T.B.B. khởi kiện ông L.T.T., trú tại quận Bình Thạnh, yêu cầu ly hôn được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà L.T.B.B. về ly hôn ông L.T.T., giao con chung tên Lê Văn Việt cho bà L.T.B.B. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ghi nhận yêu cầu của bà L.T.B.B. không yêu cầu ông L.T.T. cấp dưỡng nuôi con, bà L.T.B.B. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét bà L.T.B.B. khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L.T.T., cư trú tại 427/4 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 26, quận Bình Thạnh theo Quyết định số 1252/2020/QĐ-CCTLCC ngày 20/8/2020, nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:

Bị đơn ông L.T.T. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy ông L.T.T. vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông L.T.T..

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ chứng nhận kết hôn số 65 ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông L.T.T. và bà L.T.B.B. là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên bà L.T.B.B. đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà L.T.B.B. vẫn giữ nguyên yêu cầu vì vợ chồng bà sống ly thân đã lâu, và bà đã cố gắng cho ông L.T.T. cơ hội hòa giải, sửa chữa nhưng vợ chồng vẫn không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đối với bị đơn ông L.T.T., Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như để ông L.T.T. thực hiện quyền tranh tụng nhưng ông L.T.T. không tham gia, cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với khởi kiện của bà L.T.B.B.. Điều này cho thấy ông L.T.T. đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa ông L.T.T. và bà L.T.B.B., không có ý định hòa giải đoàn tụ.

Đồng thời, theo lời trình bày và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Bà L.T.B.B. đã có hai lần nộp và rút đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 1972/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019 và

966/2016/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2016. Như vậy, bà L.T.B.B. đã nhiều lần cho ông L.T.T. cơ hội hòa giải nhưng không thành.

Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa ông L.T.T. và bà L.T.B.B. tồn tại mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, và bà L.T.B.B. vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên xét thấy hôn nhân giữa bà L.T.B.B. và ông L.T.T. không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu khởi kiện của bà L.T.B.B. về việc ly hôn ông L.T.T. là có cơ sở chấp nhận, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Theo trình bày của nguyên đơn bà L.T.B.B. tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, bà L.T.B.B. và ông L.T.T. có một con chung tên Lê Văn Việt, sinh ngày 07/08/2008, bà L.T.B.B. đề nghị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định bà L.T.B.B. và ông L.T.T. có một con chung tên Lê Văn Việt, sinh ngày 07/08/2008. Tại Biên bản làm việc ngày 21/8/2020, trẻ Lê Văn Việt trình bày trước đây trẻ ở với ba và bà nội tại quận Bình Thạnh, nhưng hiện trẻ Việt đang ở với mẹ tại ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp ba mẹ ly hôn vì mẹ chăm sóc chu đáo hơn, nên căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và tình hình thực tế nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích về mọi mặt tốt nhất cho sự phát triển của trẻ chưa thành niên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà L.T.B.B.: Giao con chung tên Lê Văn Việt cho bà L.T.B.B. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bà L.T.B.B. vẫn giữ ý kiến không yêu cầu ông L.T.T. cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung:

Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của bà L.T.B.B. và ông L.T.T. nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà L.T.B.B. phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà L.T.B.B. ly hôn ông L.T.T..

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Lê Văn Việt, sinh ngày 07/08/2008 cho bà L.T.B.B. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L.T.B.B. không yêu cầu ông L.T.T. cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà L.T.B.B. phải chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0088167 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà L.T.B.B. đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường 26, Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân